# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

***(VAT INVOICE)***

*(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)*

Ngày *(date)* 27 tháng *(month)* 10 năm *(year)* 2026

*Số bảo mật/ (Security Code): PJD5VL*

Ký hiệu/ *Serial No*: **1C26TDV**

Số/ *Invoice No*: **0006502**

## CÔNG TY TNHH GS 25 VIETNAM

Mã số thuế/ *(Tax code)*: **0314658576**

Địa chỉ/ *(Address):* 138 - 142 Hai Bà Trưng, phường Sài Gòn, TP.HCM

Điện thoại/ *(Tel):* (028) 7302 2525

Website: www.gs25.com.vn

Họ và tên người mua hàng/ *(Buyer)*:

Tên đơn vị/ *(Company's Name)*: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM**

Mã số thuế/ *(Tax code)*: **0309391503**

Địa chỉ/ *(Address)*: 12/14/18 Đường 49, Khu phố 69, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hình thức thanh toán/ *(Payment method)*: Cấn trừ công nợ  Số tài khoản *(Account No)*:

Đồng tiền thanh toán *(Currency)*: VND

| **STT** *(No.)* | **Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Descriptions of goods/services)* | **ĐVT** *(Unit)* | **Số lượng** *(Quantity)* | **Đơn giá** *(Unit price)* | **Thành tiền trước thuế** *(Net Amount)* | **Thuế suất GTGT** *(VAT rate)* | **Tiền thuế GTGT** *(VAT Amount)* | **Tổng tiền** *(Total Amount)* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4x5 | 7 | 8=6x7 | 9=6+8 |
| 1 | Chi phí chương trình thẻ thành viên của Gs25 Việt Nam từ 01/07/2026 đến 30/09/2026 | Kỳ | 1,00 | 314.377,00 | 314.377 | 8% | 25.150 | 339.527 |
| 2 | Chi phí quảng cáo và khuyến mại từ 01/07/2026 đến 30/09/2026 | Kỳ | 1,00 | 314.377,00 | 314.377 | 8% | 25.150 | 339.527 |
| 3 | Chi phí trưng bày từ 01/07/2026 đến 30/09/2026 | Kỳ | 1,00 | 471.565,00 | 471.565 | 8% | 37.725 | 509.290 |
| 4 | Hỗ trợ vận chuyển từ 01/07/2026 đến 30/09/2026 | Kỳ | 1,00 | 1.571.884,00 | 1.571.884 | 8% | 125.751 | 1.697.635 |
| 5 | Hỗ trợ hủy hàng từ 01/07/2026 đến 30/09/2026 | Kỳ | 1,00 | 628.753,00 | 628.753 | 8% | 50.300 | 679.053 |

Khởi tạo từ phần mềm Phoebus- Công ty Cổ phần Công nghệ San Phú - MST: 0303430876 - SĐT : 0287.307.6896 - www.spc-technology.com

**Tra cứu tại website: http://webinvoice.azurewebsites.net**

**(Ghi chú: Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)**

# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

***(VAT INVOICE)***

*(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)*

Ngày *(date)* 27 tháng *(month)* 10 năm *(year)* 2026

*Số bảo mật/ (Security Code): PJD5VL*

Ký hiệu/ *Serial No*: **1C26TDV**

Số/ *Invoice No*: **0006502**

**CÔNG TY TNHH GS 25 VIETNAM**

Mã số thuế/ *(Tax code)*: **0314658576**

Địa chỉ/ *(Address):* 138 - 142 Hai Bà Trưng, phường Sài Gòn, TP.HCM

Điện thoại/ *(Tel):* (028) 7302 2525

Website: www.gs25.com.vn

Họ và tên người mua hàng/ *(Buyer)*:

Tên đơn vị/ *(Company's Name)*: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM**

Mã số thuế/ *(Tax code)*: **0309391503**

Địa chỉ/ *(Address)*: 12/14/18 Đường 49, Khu phố 69, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hình thức thanh toán/ *(Payment method)*: Cấn trừ công nợ  Số tài khoản *(Account No)*:

Đồng tiền thanh toán *(Currency)*: VND

| **STT** *(No.)* | **Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Descriptions of goods/services)* | **ĐVT** *(Unit)* | **Số lượng** *(Quantity)* | **Đơn giá** *(Unit price)* | **Thành tiền trước thuế** *(Net Amount)* | **Thuế suất GTGT** *(VAT rate)* | **Tiền thuế GTGT** *(VAT Amount)* | **Tổng tiền** *(Total Amount)* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4x5 | 7 | 8=6x7 | 9=6+8 |

| **Loại thuế suất thuế GTGT** ***(VAT rates)*** | **Thành tiền trước thuế GTGT** ***(Net amount)*** | **Tiền thuế GTGT** ***(VAT amount)*** | **Cộng tiền Thanh toán** ***(Total amount)*** |
|---|---|---|---|
| Hàng hóa dịch vụ không kê khai thuế GTGT *(Goods and services do not declare VAT)* | | | |
| Hàng hóa dịch vụ không chịu thuế *(VAT Exempt goods and services)* | | | |
| Hàng hóa dịch vụ chịu thuế 0% *(Taxable goods and services 0%)* | | | |
| Hàng hóa dịch vụ chịu thuế 5% *(Taxable goods and services 5%)* | | | |
| Hàng hóa dịch vụ chịu thuế 8% *(Taxable goods and services 8%)* | 3.300.956 | 264.076 | 3.565.032 |
| Hàng hóa dịch vụ chịu thuế 10% *(Taxable goods and services 10%)* | | | |
| Hàng hóa dịch vụ thuế suất khác *(Other goods and services tax rates)* | | | |
| **Tổng cộng** ***(Total)*** | **3.300.956** | **264.076** | **3.565.032** |

**Tổng cộng tiền thanh toán bằng chữ**/ *(Total amount in words)*: **Ba triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn ba mươi hai đồng chẵn**

**Người mua hàng** ***(Client)***
*(Ký, ghi rõ họ, tên)*
*(Signature and full name)*

**Người bán hàng** ***(Salesman)***
*(Ký, ghi rõ họ, tên)*
*(Signature and full name)*

Ký bởi: CÔNG TY TNHH GS 25 VIETNAM - Ký ngày: 27/10/2026

**Mã của Cơ quan Thuế** ***(Tax authority code)*****: 00A32B838431A842DB82CACE457D858832**

**Tra cứu tại website: http://webinvoice.azurewebsites.net**

**(Ghi chú: Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)**

Tiếp theo trang trước - Trang 2/2

Khởi tạo từ phần mềm Phoebus- Công ty Cổ phần Công nghệ San Phú - MST: 0303430876 - SĐT : 0287.307.6896 - www.spc-technology.com